

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu hai bên
tuyến đường vào sân bay Phan Thiết**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 và Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt và điều chỉnh nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Phan Thiết;

Căn cứ Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 12/03/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh phương án quy hoạch, quản lý sử dụng đất hai bên tuyến đường vào Sân bay Phan Thiết;

Căn cứ Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu hai bên tuyến đường vào sân bay Phan Thiết;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1033/TTr-SXD ngày 31 tháng 12 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu hai bên tuyến đường vào sân bay Phan Thiết, với các nội dung như sau:

1. Phạm vi và quy mô nghiên cứu lập quy hoạch:

a) Phạm vi ranh giới: Thuộc xã Thiện Nghiệp, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, có ranh giới tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp : Quy hoạch đất hỗn hợp;
- Phía Tây giáp : Sân bay Phan Thiết và quy hoạch đất hỗn hợp;
- Phía Nam giáp : Ranh thu hồi đất quỹ đất hai bên đường ĐT.706B và khu dân cư gia đình quân nhân của Trung đoàn Không quân 920;
- Phía Bắc giáp : Sân bay Phan Thiết và đường ĐT.715.

b) Quy mô:

- Diện tích lập quy hoạch: 491,27 ha.
- Dự báo dân số: Khoảng 31.510 người (bao gồm dân cư, lao động, khách lưu trú và vắng lai).

2. Mục tiêu, tính chất: Là khu ở, khu dịch vụ hậu cần và thương mại dịch vụ du lịch, góp phần quản lý quỹ đất hai bên tuyến đường vào Sân bay Phan Thiết và tạo kết nối với trung tâm du lịch Hàm Tiến - Mũi Né; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực khai thác tiềm năng và thúc đẩy, mở rộng lợi thế du lịch đô thị ven biển của thành phố Phan Thiết.

3. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	56,61	11,52
1.1	Đất ở lô phố	34,26	6,97
1.2	Đất nhà ở xã hội	22,35	4,55
2	Đất dịch vụ kết hợp bãi đỗ xe	82,67	16,82
3	Đất hỗn hợp	262,51	53,44
4	Đất dự trữ sân bay	8,69	1,77
5	Đất cây xanh cách ly	6,11	1,25
6	Đất hạ tầng kỹ thuật	7,29	1,48
7	Đất giao thông	67,39	13,72
Tổng cộng		491,27	100,00

4. Định hướng quy hoạch không gian, kiến trúc, cảnh quan:

Khu vực quy hoạch phát triển dựa trên khung giao thông chính, gồm: Các trục Bắc - Nam (tuyến đường chính vào sân bay Phan Thiết, nối từ đường ĐT.706B tại khu vực phường Hàm Tiến đến đường ĐT.715 hướng đi Quốc lộ

1) và trục Đông - Tây (đường D9, kết nối tuyến tránh Quốc lộ 1 - nhánh 2 với tuyến đường chính vào sân bay Phan Thiết). Định hướng phát triển các khu chức năng, bao gồm:

- Đất ở lô phố: Bố trí khu vực phía Nam, xung quanh khu dân cư Trung đoàn không quân 920, hình thức kiến trúc công trình đơn giản, hiện đại và hài hòa với tổng thể.

- Đất nhà ở xã hội: Bố trí gần khu vực đất ở lô phố.

- Đất dịch vụ kết hợp bãi đỗ xe: Bố trí tập trung tại khu vực trước lối vào chính và tiếp giáp phía Nam ranh sân bay, bao gồm các chức năng như: Bãi đỗ xe, cho thuê xe tự lái, dịch vụ vận chuyển, kho bãi lưu giữ hàng hoá, dịch vụ khách sạn cao tầng, trung tâm thương mại, cửa hàng mua sắm và lưu niệm (shop house), dịch vụ giao dịch thanh toán, tài chính ngân hàng,...

- Đất hỗn hợp: Bố trí tập trung chủ yếu tại khu vực phía Bắc, sử dụng cho nhiều chức năng khác nhau (như khu ở, khách sạn nghỉ dưỡng, dịch vụ thương mại, vui chơi giải trí, shop lưu niệm, massage - spa, làm đẹp và phục hồi sức khoẻ, dịch vụ hậu cần - logistics, khu công nghệ cao, các dịch vụ lắp ráp linh kiện điện tử, đồ chơi trẻ em...).

- Đất dự trữ sân bay: Bố trí tiếp giáp ranh phía Nam ranh sân bay.

- Đất hạ tầng kỹ thuật: Bố trí trạm xử lý nước thải và hồ điều hòa tại các khu vực phía Đông Nam và phía Tây Bắc giáp ranh sân bay.

- Đất cây xanh: Bố trí tại khu vực phía trước sân bay, tạo khoảng đệm không gian mở trước khi tiếp cận sân bay, trong phạm vi cách ly an toàn với đường dây điện cao thế và quỹ đất hạ tầng kỹ thuật.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. San nền: Hạn chế đến mức thấp nhất khối lượng đào đắp; hướng dốc san nền từ Bắc xuống Nam; cao độ san nền cao nhất +114,00m, thấp nhất +66,50m.

5.2. Giao thông:

BẢNG THỐNG KÊ GIAO THÔNG

Mặt cắt	Tên đường	Kích thước (m)			
		Lộ giới	Via hè	Lòng đường	Dải phân cách
1-1	Đường D1 (đường vào sân bay Phan Thiết)	36,0	5 - 5	6,75 - 6,75	12,5
2-2	Đường D11	33,0	6 - 6	21	0
3-3	Đường D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8, D13, D14, D15, D16, D17, D18	20,5	5 - 5	10,5	0

4-4	Đường D10	38,0	5 - 5	12 - 12	4
5-5	Đường D2, D12	24,0	5 - 5	14	0
6-6	Đường D9 (tuyến tránh Quốc lộ 1 - nhánh 2)	52,0	12 - 12	12 - 12	4

5.3. Cấp nước:

a) Nguồn cấp:

- 03 nguồn cấp từ thành phố Phan Thiết, gồm: Từ nhà máy nước thành phố Phan Thiết (nguồn 1); từ nhà máy Bình An (nguồn 2); từ nhà máy nước Cà Giang (nguồn 3, đặt tại xã Hàm Hiệp).

- 01 nguồn cấp từ tuyến kênh Chính Tây (chuyển nước từ trạm bơm Lê Hồng Phong, Bắc Bình về xã Thiện Nghiệp và phường Mũi Né).

Giai đoạn đầu, khi tuyến kênh Chính Tây chưa hoàn thành thì nguồn nước cấp từ Trạm bơm tăng áp sân bay qua tuyến ống chuyển tải HDPE Ø315 chạy dọc theo đường Võ Nguyên Giáp là nguồn cấp chính cho khu vực quy hoạch. Giai đoạn sau, khi tuyến kênh Chính Tây hoàn thành và tuyến ống chuyển tải HDPE Ø200 quy hoạch từ nhà máy nước Thiện Nghiệp đến khu quy hoạch hình thành thì sử dụng nguồn nước từ kênh Chính Tây qua nhà máy nước Thiện Nghiệp làm nguồn cấp bổ sung cho nguồn cấp chính từ nhà máy nước Phan Thiết.

b) Nhu cầu sử dụng: Tối đa khoảng 12.581 m³/ngày đêm.

c) Giải pháp thiết kế:

- Mạng vòng khép kín; sử dụng các tuyến ống HDPE có đường kính Ø280, Ø225, Ø200, Ø160, Ø110; chôn sâu dưới đất từ 0,7 – 1,0 m.

- Cấp nước chữa cháy: Bố trí họng cấp nước chữa cháy Ø100 trên các tuyến Ø110 - Ø280mm tại ngã 3, ngã 4 các trục đường chính, bán kính phục vụ các họng tối đa là 150 m.

5.4. Cấp điện:

a) Nguồn cấp: Tuyến trung áp 22kV từ trạm Phan Thiết: 110/22kV (2x63) MVA, trạm Mũi Né: 110/22kV (2x40) MVA, trạm điện 110/22kV Phú Hải.

b) Nhu cầu sử dụng điện: Khoảng 24.869 kVA.

c) Mạng lưới:

+ Lưới trung áp 22kV: Cáp đặt trong ống nhựa xoắn HDPE đi ngầm từ tuyến trung thế trục chính hiện hữu đường ĐT.706B và tuyến trung thế 22kV đi nổi hiện hữu đường ĐT.715 để đầu nối đến khu quy hoạch, sử dụng cáp nhôm lõi thép.

+ Lưới hạ áp 0,4kV: Sử dụng cáp đặt trong ống nhựa xoắn HDPE đi ngầm.

+ Lưới chiếu sáng: Bố trí chiếu sáng một bên vỉa hè đối với đường có bề rộng <12m, hai bên vỉa hè đối với đường có bề rộng >12m, bố trí chiếu sáng trên dải phân cách với bề rộng $\geq 1,5\text{m}$ và <6m; sử dụng chiếu sáng trang trí cho dải phân cách >6m; lựa chọn đèn hiệu suất cao và tiết kiệm điện. Tủ điện phân phối chiếu sáng được lắp đặt trong các trạm biến áp phân phối, điều khiển chiếu sáng được lắp trong các tủ phân phối.

+ Trạm biến thế: Các trạm hạ thế 22/0,4kV là loại trạm tập trung, kiểu trạm: Trạm hộp bộ, trạm ngồi; các trạm được bố trí tại các trung tâm phụ tải điện, bán kính cấp điện của mỗi trạm 300 - 500 m.

5.5. Thoát nước mưa:

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa riêng biệt theo kiểu tự chảy trọng lực; nước mưa được thu gom dọc các trục đường chính dẫn về các hồ điều hòa rồi thoát ra biển.

- Hình thành 3 lưu vực thoát nước mưa chính:

+ Lưu vực 1 được giới hạn bởi đường ĐT.715 và đường D4, D3, D2;

+ Lưu vực 2 được giới hạn bởi đường D1 và đường D4, D2, D7;

+ Lưu vực 3 được giới hạn bởi đường D7 tới hết phần ranh quy hoạch phía Nam.

- Mạng lưới: Cống tròn bê tông cốt thép, chủ yếu được bố trí dưới vỉa hè đi bộ và cách bó vỉa 0,5 - 1,0m; nối cống theo nguyên tắc ngang đỉnh, độ sâu chôn cống tối thiểu là 0,7m; bố trí các hố ga thu nước và lắng cặn có khoảng cách 25 - 35m. Hệ thống thoát nước đảm bảo đầy đủ và đồng bộ từ giếng thu nước, cống nối, giếng thăm, ga kỹ thuật (nếu cần) đến mạng lưới các tuyến cống thoát nước và cửa xả.

5.6. Thoát nước thải:

a) Lưu lượng:

- Tiêu chuẩn thoát nước thải sinh hoạt: 85% tiêu chuẩn cấp nước.

- Lưu lượng thoát nước thải tối đa: Khoảng 7.232 m³/ngày đêm.

b) Giải pháp kỹ thuật:

- Hệ thống thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa, thoát theo kiểu tự chảy trọng lực về nhà máy xử lý nước thải, làm sạch đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường.

- Nước thải sinh hoạt từ các công trình nhà ở và công trình công cộng trong đô thị cần được lắng sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thoát vào cống thoát nước thải.

- Mạng lưới:

+ Sử dụng cống bê tông ly tâm kín, đi ngầm dưới vỉa hè hai bên đường, khoảng cách các hố thu 25 - 35m.

+ Bố trí 03 giếng bơm chuyển nước lên cao, sau đó thoát tự chảy về nhà máy, giếng bơm nước thải là loại máy bơm chìm trong giếng ga kín.

+ Nhà máy xử lý nước thải sử dụng công nghệ làm sạch sinh học không có sản phẩm bùn, có máy làm khô bùn, có thiết bị xử lý mùi hôi, xây dựng kín, có khoảng cách an toàn vệ sinh theo quy định, được trồng cây xanh cách ly tạo cảnh quan.

5.7. Xử lý chất thải:

- Tổng lượng rác thải dự kiến: Khoảng 49,16 tấn/ngày đêm.

- Rác thải phải được phân loại, thu gom tại các thùng rác và đưa về bãi xử lý rác của thành phố Phan Thiết.

5.8. Thông tin liên lạc:

a) Nguồn cung cấp: Từ mạng viễn thông của Bưu điện tỉnh Bình Thuận (trung tâm Bưu điện xã Thiện Nghiệp).

b) Tổng nhu cầu: Khoảng 7.562 thuê bao.

c) Mạng lưới: Các tuyến cống bê và cáp (cáp đồng hoặc cáp quang) đi ngầm, tủ cáp chính, tủ cáp nhánh; từ các tủ cáp này sẽ phân phối đến các khu dân cư.

- Tuyến cáp: Sử dụng tuyến cáp quang ngầm đến các tủ cáp, hộp cáp nối trung gian, từ hộp cáp nối trung gian thông qua các đường cáp có bọc kim chống nhiễu dẫn cáp đến các số thuê bao.

- Tuyến thông tin liên lạc, đường nhánh, đường vào nhà sẽ được đặt hệ thống ống gen bằng nhựa hoặc trong các rãnh xây có nắp đan bê tông cốt thép bố trí trên vỉa hè.

- Tủ cáp nhựa cách điện, là loại đặt trên bề bê tông ngoài trời; khoảng cách từ mép vỉa hè đến điểm gần nhất của giá đỡ tủ cáp, bề tủ cáp không nhỏ hơn 30cm; cáp đặt trong ống dẫn cáp bằng nhựa.

6. Đánh giá môi trường chiến lược:

6.1. Nguồn gây ô nhiễm:

- Bụi do quá trình san ủi mặt bằng, từ các phương tiện san lấp, vật liệu rơi vãi khi vận chuyển.

- Tiếng ồn do các phương tiện giao thông vận tải, vận hành máy móc thiết bị, vận chuyển đất, đá, nguyên vật liệu...

- Chất thải sinh hoạt do hoạt động của công nhân làm việc công trường.

- Khi dự án đi vào hoạt động, ngoài các nguồn ô nhiễm trên còn phát sinh các nguồn, như: Khu biệt thự, khu phố thương mại, khách sạn, thương mại dịch vụ, vui chơi giải trí...

6.2. Giải pháp bảo vệ môi trường:

a) Trong giai đoạn thi công: Bố trí các máy móc thiết bị làm việc ở những khoảng cách hợp lý, tránh tập trung tiếng ồn, không chế bụi, nước thải, chất thải rắn trong quá trình thi công.

b) Trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

- Đối với môi trường không khí: Thực hiện biện pháp quản lý và hỗ trợ; đảm bảo lộ giới đúng theo quy hoạch, trồng cây xanh nhằm hạn chế ô nhiễm không khí (như: Hút bụi, lọc sạch không khí, che chắn tiếng ồn và giảm nhiệt độ không khí...).

- Đối với nước thải sinh hoạt: Cấm xả nước thải chưa xử lý trực tiếp ra môi trường; xây dựng bể thu gom xử lý với quy mô phù hợp.

- Đối với chất thải rắn: Phân loại rác ngay từ nguồn và cần phải tối đa khả năng tái chế. Xử lý rác không tái sử dụng được, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

- Phòng chống sự cố môi trường và an toàn cháy nổ: Lắp đặt hệ thống chống sét cho các công trình và thiết kế đảm bảo các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy.

- Chương trình giám sát chất lượng môi trường khu vực dự án: Không chế và giới hạn chất thải, không vượt quá khả năng tự làm sạch của tự nhiên. Thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị hạ tầng kỹ thuật.

7. Dự kiến các dự án ưu tiên đầu tư:

a) Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Đầu tư xây dựng tuyến đường vào sân bay Phan Thiết, các tuyến giao thông kết nối và các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ khai thác quỹ đất hai bên tuyến đường vào sân bay Phan Thiết;

- Lập quy hoạch chi tiết;

- Đầu tư các khu dịch vụ kết hợp bãi đỗ xe;

- Đầu tư các khu nhà ở lô phố, xã ở xã hội, khu hỗn hợp,...

Quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư vào khu vực này thì tiến độ thực hiện căn cứ vào quyết định chủ trương đầu tư của dự án.

b) Nguồn lực thực hiện: Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động ngoài ngân sách.

8. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu:

8.1. Quản lý kiến trúc, cảnh quan:

a) Đất ở lô phố:

- Mật độ xây dựng: Áp dụng theo mục 2.8.6 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01: 2008/BXD).

- Chiều cao công trình: Tối đa 07 tầng, chiều cao tối đa 29 m (tính từ mép trong vỉa hè đến đỉnh mái); đồng thời tại vị trí tiếp giáp đường vào sân bay và đường D9, tầng cao công trình phải đảm bảo tối thiểu 02 tầng.

b) Đất nhà ở xã hội:

- Mật độ xây dựng: Áp dụng theo mục 2.8.6 QCVN 01: 2008/BXD.

- Chiều cao công trình: Tối đa 13 tầng, chiều cao tối đa 44 m (tính từ mép trong vỉa hè đến đỉnh mái).

c) Đất dịch vụ kết hợp bãi đỗ xe:

- Mật độ xây dựng: Áp dụng theo mục 2.8.6 QCVN 01: 2008/BXD.

- Chiều cao công trình:

+ Khu dịch vụ 1 (DV1): Tối đa 03 tầng, chiều cao tối đa 19 m (tính từ mép trong vỉa hè đến đỉnh mái).

+ Khu dịch vụ 2 (DV2) và khu dịch vụ 3 (DV3): Tối đa 13 tầng, chiều cao tối đa 44 m (tính từ mép trong vỉa hè đến đỉnh mái).

d) Đất hỗn hợp:

- Mật độ xây dựng: Áp dụng theo mục 2.8.6 QCVN 01: 2008/BXD.

- Chiều cao công trình: Tối đa 13 tầng, chiều cao tối đa 44 m (tính từ mép trong vỉa hè đến đỉnh mái); đối với công trình nhà ở lô phố thì chiều cao công trình thực hiện theo điểm a nêu trên.

Lưu ý: Trong quy hoạch đất hỗn hợp, tỷ lệ diện tích đất khu ở không được vượt quá 35% (trong đó đất ở chiếm tối đa 60% diện tích đất khu ở và đất hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chiếm tối thiểu 40% diện tích đất khu ở).

e) Đất hạ tầng kỹ thuật:

- Mật độ xây dựng: Tối đa 30%.
- Chiều cao công trình: Tối đa 01 tầng, chiều cao tối đa 12 m (tính từ mép trong vỉa hè đến đỉnh mái).

f) Đất cây xanh: Không xây dựng công trình.

Đối với các công trình cao tầng, quá trình triển khai dự án phải có ý kiến chấp thuận về quản lý độ cao công trình của Cục Tác chiến - Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam.

8.2. Quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

Đảm bảo thiết kế, đầu tư xây dựng, thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật phải tuân thủ theo Quy hoạch phân khu được phê duyệt; các yêu cầu khác theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật (QCVN 07: 2016/BXD) của Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành.

a) San nền: Bám sát địa hình tự nhiên, hạn chế chiều cao đất đắp và khối lượng đào đắp.

b) Giao thông: Thiết kế hệ thống giao thông dựa trên cao độ hiện trạng và đảm bảo liên hệ thuận tiện giữa các khu chức năng trong dự án. Đối với đường ngoài khu vực, đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến đường theo quy định và chỉ giới xây dựng. Đối với tuyến đường khu vực, tuân thủ đúng chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng theo quy hoạch phân khu được phê duyệt.

c) Cấp nước: Đảm bảo chất lượng nước cấp cho ăn uống và sinh hoạt theo yêu cầu của Quy chuẩn về cấp nước sinh hoạt.

d) Cấp điện: Đảm bảo đáp ứng nhu cầu về năng lượng điện trong khu vực dự án cho thời điểm hiện tại và tương lai.

e) Thu gom và xử lý nước thải: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Đảm bảo chất lượng nước thải phải đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường; các yêu cầu về xử lý nước thải và khoảng cách ly vệ sinh tới công trình khác.

f) Quản lý chất thải rắn: Hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý phải tuân theo các quy định hiện hành về quản lý chất thải rắn; phù hợp với Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Thuận đã được phê duyệt.

g) Thông tin liên lạc: Đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu về thông tin liên lạc trong dự án cho thời điểm và tương lai; các biện pháp an toàn, chống nhiễu sóng thích hợp cho các đài trạm vô tuyến điện trong quá trình hoạt động; yêu cầu chống sét và phòng cháy chữa cháy theo quy định.

h) Cây xanh: Tuân thủ các quy định về cây xanh đô thị tại QCVN 01: 2008/BXD và các quy định khác có liên quan.

i) Đường dây, đường ống hạ tầng kỹ thuật: Phương thức tổ chức hệ thống đường dây, đường ống hạ tầng kỹ thuật tuân thủ các quy định tại QCXDVN 01: 2008/BXD và các quy định khác có liên quan.

k) Thi công và quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật: Chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo và tổ chức các biện pháp thi công đồng bộ, đấu nối hợp lý vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực. Trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình trong phạm vi dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật, duy tu và sửa chữa hư hỏng (nếu có).

8.3. Các vấn đề không được đề cập trong nội dung Quy định quản lý nêu trên, phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định hiện hành có liên quan của Nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng:

- Chịu trách nhiệm kiểm tra, đóng dấu xác nhận hồ sơ đồ án Quy hoạch phân khu kèm theo.

- Xây dựng kế hoạch để thực hiện quy hoạch.

- Chủ động phối hợp với UBND thành phố Phan Thiết tổ chức công bố công khai Quy hoạch phân khu được phê duyệt.

- Triển khai các thủ tục cấm mốc giới quy hoạch theo quy định.

- Cung cấp thông tin về quy hoạch nhằm quản lý chặt chẽ việc thực hiện đầu tư xây dựng và xử lý các trường hợp xây dựng sai phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Quản lý hồ sơ quy hoạch xây dựng được phê duyệt; thông báo, cung cấp thông tin về quy hoạch, kiến trúc cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và xử lý các trường hợp xây dựng sai phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. UBND thành phố Phan Thiết:

- Tổ chức triển khai công bố, thông báo công khai Quy hoạch phân khu được phê duyệt; thời gian và nội dung công bố thực hiện theo quy định.

- Phối hợp với Sở Xây dựng trong công tác cấm mốc giới quy hoạch và tổ chức quản lý, bảo vệ mốc giới ngoài thực địa.

- Quản lý hồ sơ quy hoạch được phê duyệt; thông báo, cung cấp thông tin về quy hoạch, kiến trúc cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên ngành tổ chức quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng trên địa bàn; xử lý các trường hợp đầu tư, xây dựng sai phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND thành phố Phan Thiết và thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐTQH. Thiện

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Văn Hải